

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 2014/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 14/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024, đề xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2024

1. Đánh giá công tác quản lý Chương trình

1.1. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Tỉnh Hà Tĩnh đã triển khai đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách giảm nghèo của trung ương, ban hành một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội của địa phương. Qua đó, khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trong phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Chương trình giảm nghèo gắn liền các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn. Giai đoạn 2021-2024, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành một số văn bản có tính chất trọng tâm xuyên suốt có tác động sâu rộng, toàn diện đến đời sống an sinh xã hội như sau: (1) Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 24/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; (2) Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về Quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; (3) Nghị quyết số 74/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; (4) Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; (5) Nghị quyết số 94/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế huy động, lồng ghép nguồn vốn và tỷ lệ số

lượng dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; (6) Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND; (7) Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức chi ngân sách Nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản, kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2022 - 2025¹:

1.2. Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Ngày 10/3/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 528/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng đô thị văn minh tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh làm Phó Trưởng Ban.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo. Cùng với cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các hội, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tích cực vào cuộc. Các tổ chức đã phát huy vai trò của mình trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, đưa các hoạt động giảm nghèo đi vào cuộc sống. Nhiều phong trào đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và khơi dậy được ý chí chủ động, tự lực vươn lên của người nghèo; ý thức, trách nhiệm của người dân và xã hội trong việc thoát nghèo bền vững, tiếp nhận

¹ (1) Kế hoạch số 400/KH-UBND ngày 24/10/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; (2) Kế hoạch số 401/KH-UBND ngày 24/10/2022 thực hiện Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; (3) Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh; (4) Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 trên địa bàn toàn tỉnh; (5) Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 17/02/2023 về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; (6) Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 27/02/2023 về thực hiện Đề án 161 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; (7) Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 04/4/2023 triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; (8) Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 26/4/2024 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; (9) Công văn số 1709/UBND-VX2 ngày 29/3/2024 về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024; (10) Công văn số 1525/UBND-NL5 ngày 22/3/2024 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình MTQG; (11) Công văn số 2829/UBND-TH3 ngày 21/5/2024 về thông báo kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024; (12) Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 23/5/2024 về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024.

và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng, đặc biệt là trong giám sát điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hằng năm.

1.3. Hoạt động truyền thông, thông tin

Công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền và phổ biến chính sách, pháp luật về giảm nghèo được đẩy mạnh nhằm chuyển biến nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về công tác giảm nghèo, đăng tải các tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, quán triệt nhiệm vụ tại các hội nghị, triển khai mạnh theo hình thức tập huấn, phổ biến kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ. Các chính sách đối với người nghèo đã được các tầng lớp nhân dân hiểu và thực hiện tốt. Đã góp phần nâng cao dân trí, đảm bảo thông tin liên lạc trong chỉ đạo, điều hành và nhu cầu thông tin của người dân, nhất là trong phòng chống lụt bão, quốc phòng - an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

1.4. Đánh giá tình hình thực hiện công tác báo cáo, giám sát, đánh giá định kỳ

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo kế hoạch hàng năm. Các Sở chủ trì các dự án, tiêu dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tổ chức các đoàn công tác kiểm tra tình hình và đôn đốc tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại cấp huyện, cấp xã; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Chương trình.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, các huyện, thành phố, thị xã cơ bản thực hiện đầy đủ các nội dung của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng. Quy trình triển khai từ khâu lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai, có sự tham gia của người dân, cộng đồng. Các hoạt động của Chương trình phù hợp với quy hoạch chung của địa phương đồng thời gắn liền với mục tiêu giải quyết các nhu cầu của cộng đồng, tạo được sự đồng thuận và tin tưởng của người dân trong suốt quá trình triển khai Chương trình.

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

Tổng nguồn vốn được phân bổ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024, trên địa bàn: 259.333 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 202.434 triệu đồng (*bao gồm vốn đầu tư phát triển: 9.089 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 193.345 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương: 18.503,45 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó: Ngân sách tỉnh : 10.258 triệu đồng, ngân sách huyện : 8.245,45 triệu đồng.

- Nguồn huy động đối ứng từ người dân tham gia các dự án, tiêu dự án của Chương trình: 38.395 triệu đồng

3. Kết quả thực hiện các dự án, tiêu dự án (số liệu ước tính đến 31/12/2024)

3.1. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tổng kinh phí phân bổ: 106.032 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 72.563 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 6.937 triệu đồng; (3) huy động khác: 26.532 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 90.221 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 58.138 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 5.550 triệu đồng; (3) huy động khác: 26.748 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: Toàn tỉnh xây dựng, triển khai 308 dự án, trong đó có 305 dự án chăn nuôi (lợn, bò, gà, dê, ong...), 01 dự án trồng trọt (cây cam, bưởi), 02 dự án phi nông nghiệp, triển khai thực hiện tại 13/13 huyện, thành phố, thị xã với 4.803 hộ tham gia. Kết quả cho thấy các mô hình đa dạng hóa sinh kế đều phát huy hiệu quả, góp phần tạo việc làm cho người dân, tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp 1.353 hộ thoát nghèo bền vững.

3.2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Tổng kinh phí phân bổ: 46.036 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 31.215 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 2.958 triệu đồng; (3) huy động khác: 11.862 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 39.317 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 25.097 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 2.367 triệu đồng; (3) huy động khác: 11.862 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: Toàn tỉnh xây dựng, triển khai 136 dự án, trong đó có 133 dự án chăn nuôi (lợn, bò, gà, dê, ong...), 03 dự án trồng trọt (cây cam, bưởi), triển khai thực hiện tại 13/13 huyện, thành phố, thị xã với 2.806 hộ tham gia. Kết quả cho thấy các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đều phát huy hiệu quả, giúp gần 1.000 hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững.

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- Tổng kinh phí phân bổ: 10.001,3 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 9.134 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 867,3 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 8 tỷ đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 7.207 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 693 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện : Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo: Số trẻ dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 637 trẻ, số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng: 344 trẻ, số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng: 769 người; tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 tuổi đến dưới 16 tuổi): Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng: 9.209 trẻ, số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 3.266 trẻ.

3.3. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Tổng kinh phí phân bổ: 30.967 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 28.286 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 2.681 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 24.774 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 22.628 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 2.415 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024: Tổ chức 41 lớp học nghề cho gần 1.100 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Các chính sách đào tạo nghề cho lao động được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể liên quan, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã mang lại kết quả khả quan, nhất là việc chọn lựa ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động, sau học nghề, nhiều người lao động có việc làm, có thu nhập ổn định. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới, tạo việc làm cho lao động nông thôn và từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ.

b) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tổng kinh phí phân bổ: 19.555 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 17.833 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 1.722 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 15.646 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 14.266 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 1.378 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh đã phối hợp các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức 02 Hội chợ việc làm, 18 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các địa phương, thu hút 3.134 lao động tham gia. Trong đó: (1) Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh: 2.097 người; (2) Số người được tư vấn tham gia các chương trình xuất khẩu lao động miễn phí tại Nhật Bản, Hàn Quốc: 676 người; (3) số người được tư vấn học nghề: 240 người.

Ngày 03/4/2022, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Văn bản số 1512/UBND-XD về việc triển khai dự án Sàn giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh, theo đó: Giao Ban QLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư, tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Sàn giao dịch việc làm tại Thành phố Hà Tĩnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; quy mô đầu tư: Xây dựng Sàn giao dịch việc làm và Khu hành chính 4 tầng và các hạng mục phụ trợ theo quy hoạch được duyệt; Tổng mức đầu tư (dự kiến): 31,812 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: 12,007 tỷ đồng (tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh); Ngân sách tỉnh (nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022): 19,805 tỷ

đồng. Đến nay, đang hoàn tất hồ sơ để triển khai Dự án Sàn giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh.

3.4. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

- Tổng kinh phí phân bổ: 7.697 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 7.006 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 691 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 6.158 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 5.604 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 553 triệu đồng.

- Tại cấp tỉnh đã tổ chức 03 lớp đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin tuyên truyền cấp huyện, cấp xã, số lượng 170 học viên tham gia. Tổ chức hợp tác truyền thông với 07 cơ quan báo chí và đơn vị truyền thông để sản xuất mới 41 sản phẩm truyền thông cung cấp các nội dung thông tin, kinh nghiệm, kiến thức chăn nuôi, làm giàu ... với các nội dung thiết yếu để bà con nhân dân và xã hội tham khảo ứng dụng đưa vào thực tiễn. Triển khai biên soạn và xuất bản 1.000 ấn phẩm thông tin tuyên truyền cung cấp thông tin thiết yếu cho người dân góp phần giảm nghèo thông tin; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh được cấp 1.494 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa chữa, nâng cấp Cụm Thông tin đối ngoại tại Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo.

Tại cấp huyện: Đã tổ chức 22 lớp tập huấn với 3.923 người nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông; bồi dưỡng kiến thức về biên tập nội dung thông tin, tuyên truyền; kỹ năng khai thác và xử lý thông tin; Kỹ năng sử dụng trang thiết bị kỹ thuật (máy ảnh và các thiết bị điện tử số) phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền...; sản xuất 22 video, phóng sự truyền hình, 154 chương trình phát thanh, 11 sản phẩm báo in, 39 sản phẩm báo điện tử và một số sản phẩm truyền thông khác.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Tổng kinh phí phân bổ: 5.606 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 5.112 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 494 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 4.485 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 4.089 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 395 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Số cơ quan báo chí, xuất bản được hỗ trợ tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững: Tạp chí Lao động, xã hội, Báo Hà Tĩnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, VTC, Trung tâm Văn hóa truyền thông các huyện, thành phố, thị xã; tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng.

Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (phóng sự, tọa đàm, đối thoại, Pa nô, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...) định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới. Mỗi năm tổ chức từ 15 - 20 hội nghị đối thoại về chính sách giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở. Hàng năm có hàng chục tin bài, phóng sự tuyên truyền về công tác giảm nghèo trên báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh, in ấn cấp phát hơn 10.000 tờ rơi, tờ gấp.

3.5. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổng kinh phí phân bổ: 15.581 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 14.204 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 1.377 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 12.465 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 6.393 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 6.072 triệu đồng.

Kết quả thực hiện : Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức 13 - 15 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp với gần 3.000 người tham gia. Ngoài ra, UBND cấp huyện, cấp xã đã tổ chức 115 hội nghị, tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giảm nghèo cho 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Tổng kinh phí phân bổ: 8.764 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 7.992 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 772 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân: 7.001 triệu đồng, bao gồm: (1) Ngân sách trung ương: 6.393 triệu đồng; (2) ngân sách địa phương bố trí: 608 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo; Tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Theo đó: Cấp tỉnh tổ chức 01 - 02 đợt kiểm tra, giá sát/năm; cấp huyện tổ chức 01 đợt/năm; tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ (bao gồm: đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ). Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

4. Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình theo Kế hoạch số 400/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh

4.1. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo

- Kế hoạch: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 0,6 - 1%/năm.

- Kết quả thực hiện: Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 11.572 hộ nghèo (giảm 2.955 hộ), chiếm tỷ lệ 3,01% (giảm 0,78%); có 12.947 hộ cận nghèo (giảm 2.539 hộ), chiếm tỷ lệ 3,37% (giảm 0,67%) so với cuối năm 2022. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt mục tiêu do cấp có thẩm quyền giao.

4.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu

- Kế hoạch đến năm 2025, phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia.

Kết quả: Đến nay, tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm còn 24.519 hộ/37.268 hộ (giảm 34,21% so với đầu kỳ).

- Kế hoạch đến năm 2025, hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 100 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Kết quả: Giai đoạn 2021-2024, toàn tỉnh hỗ trợ xây dựng, nhân rộng 308 mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (đạt 308% so với kế hoạch).

- Kế hoạch đến năm 2025, phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

Kết quả: Đến nay, có 2.230 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình không có sinh kế ổn định được hỗ trợ sinh kế trong đó có 1.895 hộ được hỗ trợ, hướng dẫn tiếp kỹ năng chăm sóc cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp (85%)

- Kế hoạch đến năm 2025, có 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

Kết quả: Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức 13 - 15 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp với gần 3.000 người tham gia. Ngoài ra, UBND cấp huyện, cấp xã đã tổ chức 115 hội nghị, tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giảm nghèo cho 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ Kế hoạch đến năm 2025, có 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

Kết quả: Đến nay, có 2.890 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Trong đó 2.745 người (95%) được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Kế hoạch đến năm 2025: Tối thiểu 80% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

Kết quả: Đến nay, có 2.890 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Trong đó 2.745 người (95%) được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiếu thiếu hụt về y tế: Kế hoạch đến năm 2025 có 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh theo đúng quy định.

Kết quả: Hàng năm có 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh theo đúng quy định.

- Chiếu thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Kế hoạch đến năm 2025: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 100%.

Kết quả: Tính đến hết năm 2023, có 4.989 trẻ em thuộc hộ nghèo; 10.217 trẻ em thuộc hộ cận nghèo; 100% số trẻ em thuộc hộ nghèo và cận nghèo đều đi học đúng độ tuổi.

+ Kế hoạch đến năm 2025: Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 50%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

Kết quả: Theo kết quả điều tra, rà soát, cập nhật thông tin thị trường lao động năm 2023 toàn tỉnh có 45% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (5.271/11.714 người) qua đào tạo, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 20% (1.054/5.271 người); năm 2023 có 829/975 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ² đào tạo kỹ năng nghề phù hợp chiếm tỷ lệ 85%.

² 279 người thuộc hộ nghèo, 473 người thuộc hộ cận nghèo, 77 người thuộc hộ thoát nghèo.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Kế hoạch đến năm 2025, tối thiểu 95% hộ nghèo có nhà ở đảm bảo an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Kết quả: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 toàn tỉnh có 10.780/11.752 hộ nghèo có nhà ở đảm bảo ổn định, an toàn chiếm 91,73%.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Kế hoạch đến năm 2025, 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Kết quả: Theo kết quả rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 toàn tỉnh có 93,78% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 88,07% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: Kế hoạch đến năm 2025, 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống tại vùng biên giới, vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua sản phẩm truyền thông.

Kết quả: Theo kết quả rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 toàn tỉnh có 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 92,50% các hộ gia đình sinh sống tại vùng biên giới, vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua sản phẩm truyền thông.

5. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

5.1. *Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo*: Có 100% con hộ nghèo, cận nghèo được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định. Giai đoạn 2021-2024 đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo các chính sách: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/TT-BGDĐT-BLĐTBXH; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP cho 25.000 lượt học sinh, với số tiền 10.378.600 nghìn đồng (*năm 2021 hỗ trợ 6.417 lượt học sinh, số tiền 2.452.440 nghìn đồng; năm 2022 hỗ trợ 8.414 lượt học sinh, số tiền 3.198.390 nghìn đồng; năm 2023 hỗ trợ 5.569 lượt học sinh, số tiền 3.503.100 nghìn đồng; năm 2024 dự kiến hỗ trợ 4.600 lượt học sinh, số tiền 2.224.670 nghìn đồng*).

5.2. *Hỗ trợ về y tế, khám chữa bệnh*

- Mạng lưới y tế cấp tỉnh đến thôn, xóm, tổ dân phố được củng cố và tăng cường, từng bước đảm bảo; công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân ngày càng được nâng lên rõ rệt, đặc biệt cho người nghèo, hộ nghèo. Hàng năm có 100% người nghèo, cận nghèo có nhu cầu được khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí.

- Công tác cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ có mức sống trung bình được chính quyền địa phương chủ động lập phương án dự trù kinh phí, được triển khai thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng kịp thời, đúng đối tượng,

đảm bảo an sinh xã hội. Giai đoạn 2021-2024 đã cấp 424.040 thẻ BHYT hộ nghèo, cận nghèo và hộ nông nghiệp có mức sống trung bình, với số tiền hơn 1.332.522 triệu đồng ³(trong đó: Hộ nghèo: 17.474 thẻ, với số tiền: 58.485,2 triệu đồng, hộ cận nghèo 33.526 thẻ, với số tiền: 115.790,4 triệu đồng, hộ có mức sống trung bình 373.529 thẻ, với số tiền 1.149.246 triệu đồng).

5.3. Chính sách hỗ trợ nhà ở

Triển khai thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ, nhà ở kiên cố cho người có công, hộ nghèo, hộ bị ảnh hưởng do thiên tai trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 22-QĐ/TU: Phê duyệt hỗ trợ 42 nhà văn hóa cộng đồng với kinh phí hỗ trợ 84 tỷ đồng (mỗi nhà 02 tỷ đồng) và 2.475 nhà (bao gồm 907 nhà ở người có công, 947 nhà ở hộ nghèo, 619 nhà ở hộ bị thiệt hại do thiên tai), kinh phí hỗ trợ: 172.025 triệu đồng. Hiện tại đã có 33/42 nhà văn hóa cộng đồng, 2.367 nhà ở đã hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng.

5.4. Chính sách trợ giúp pháp lý

Từ năm 2021 đến 2024: đã tổ chức thực hiện 561 cuộc truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các thôn, xóm, xã, phường, thị trấn của 13 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tư vấn, hướng dẫn tại trụ sở và cơ sở 1.382 vụ việc, trong đó có 80 vụ việc cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý là người nghèo. Cử trợ giúp viên pháp lý, Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng 895 vụ việc, cụ thể: 55 vụ việc Dân sự; 834 vụ việc Hình sự, 06 vụ việc đại diện ngoài tố tụng. Trong đó, thực hiện trợ giúp pháp lý 285 vụ việc cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý tại địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số (*chiếm 32% trong tổng số vụ việc tham gia tố tụng*). Xây dựng, biên tập, in ấn, cấp phát miễn phí hơn 250.000 tài liệu, tờ gấp về các lĩnh vực pháp luật như: Trợ giúp pháp lý, Đất đai, Dân sự, Hôn nhân và gia đình, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, phòng chống tác hại của rượu bia và các văn bản về chính sách người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội cho người dân, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em...., cấp phát hàng trăm đĩa CD Chương trình phát thanh chuyên mục “*Trợ giúp pháp lý với người dân*” để phát tại đài phát thanh các thôn, xóm, xã, phường, thị trấn. Tiếp tục duy trì đường dây nóng 24/24 để tiếp nhận thông tin về yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân

5.5. Chính sách tiền điện

Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng, đảm bảo đúng các quy định của nhà nước. Giai đoạn 2021-2024 đã thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 57.539 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 38,48 tỷ đồng⁴.

³ Bao gồm nguồn ngân sách Trung ương : 478.106,4 triệu đồng; ngân sách địa phương: 260.448,7 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp (50% mua thẻ hộ thu nhập trung bình) : 584.967 triệu đồng.

⁴ Năm 2021 có 13.412 hộ nghèo thuộc diện hỗ trợ tiền điện với tổng kinh phí hơn 8,85 tỷ đồng; năm 2022 thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 17.848 hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 11,7 tỷ đồng; năm 2023 có 414.527 hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện với tổng kinh phí hơn 9,9 tỷ đồng; năm 2024: hỗ trợ tiền điện cho 11.572 hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 7,9 tỷ đồng.

5.6. Chính sách tín dụng ưu đãi

Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vay nhà ở hộ nghèo, vay giải quyết việc làm, vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn... tạo điều kiện để người nghèo, cận nghèo tiếp cận các nguồn vốn phát triển sản xuất xóa đói giảm nghèo. Giai đoạn 2021-2024 đã cho 140.001 lượt hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách xã hội vay vốn với tổng doanh số cho vay đạt 6.232.953 triệu đồng, cụ thể:

- Cho vay ưu đãi hộ nghèo: Doanh số cho vay đạt 179,5 tỷ đồng, với 2.993 lượt khách hàng vay vốn; cho vay hộ cận nghèo: Doanh số cho vay đạt 412,6 tỷ đồng, với 6.832 lượt khách hàng vay vốn; cho vay hộ mới thoát nghèo: Doanh số cho vay đạt 2.097,8 tỷ đồng, với 34.406 lượt khách hàng vay vốn; cho vay học sinh, sinh viên: Doanh số cho vay đạt 346,8 tỷ đồng, với 6.183 lượt khách hàng vay vốn.

- Cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Doanh số cho vay đạt 992,7 tỷ đồng, với 50.122 lượt khách hàng vay vốn; cho vay giải quyết việc làm: Doanh số cho vay đạt 1.718 tỷ đồng, với 30.779 lượt khách hàng vay vốn; cho vay đối tượng chính sách đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài: Doanh số cho vay đạt 1.916 tỷ đồng, với 22 lượt khách hàng vay vốn.

- Cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: Doanh số cho vay đạt 143 tỷ đồng, với 2.539 lượt khách hàng vay vốn; cho vay khác theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 30/01/2018: Doanh số cho vay đạt 340,3 tỷ đồng, với 6.125 lượt khách hàng vay vốn.

5.7. Chính sách hỗ trợ khác

- Nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm đã chỉ đạo các địa phương tổ chức rà soát và thăm hỏi, tặng quà cho người có công, Người cao tuổi, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng BTXH, trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn, người lao động. Giai đoạn 2021-2024, toàn tỉnh đã trao tặng 960.408 suất quà với tổng kinh phí: 357.091.331 nghìn đồng, trong đó: Ngân sách: 168.767.894 nghìn đồng (bao gồm cả kinh phí mừng thọ), Xã hội hóa: 188.323.427 nghìn đồng.

- Hỗ trợ theo Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (năm 2021 và 7 tháng năm 2022), theo Nghị quyết 72/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (giai đoạn từ tháng 8/2022-2024), toàn tỉnh đã hỗ trợ cho hơn 8.600 lượt hộ nghèo người có công với cách mạng, hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội với tổng kinh phí trên 48 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021 đến nay Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, hội xã hội các cấp đã tích cực huy động nguồn lực hỗ trợ được 7.055 mô hình sinh kế giảm nghèo với tổng kinh phí 16,053 tỷ đồng cho 3.560 hộ nghèo, 2.120 hộ cận nghèo, 1.375 hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh (hỗ trợ 3.553 mô hình chăn nuôi, 3.464 mô hình trồng cây ăn quả, 08 mô hình thương mại dịch vụ và 30 mô hình hỗ trợ nông, ngư cụ sản xuất). Với việc thực hiện hỗ

trợ mô hình sinh kế giảm nghèo trong 4 năm qua đã giúp cho 1.368 hộ thoát nghèo, đồng thời đã giúp cho người dân có việc làm ổn định, tăng thêm nguồn thu nhập; phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của người dân, tạo động lực cho các hộ nghèo vươn lên có cuộc sống ổn định, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

6. Đánh giá chung

6.1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm của các bộ, ngành Trung ương; sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh trong tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động triển khai thực hiện. Bên cạnh đó là sự tích cực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến đến cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện; sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, đã tạo được sức lan tỏa, sự đồng thuận hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao cơ bản đã bám sát chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát quá trình triển khai chương trình giảm nghèo tại các địa phương.

- Các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai tốt, tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực của đời sống người nghèo, giúp hộ nghèo phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được thực hiện công khai, minh bạch từ việc xác định đối tượng hỗ trợ đến việc phân bổ vốn và kiểm tra, giám sát của các cơ quan trung ương, địa phương, cộng đồng, người dân, đặc biệt là sự giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và Hội đồng nhân dân các cấp.

- Phong trào Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau được các địa phương hưởng ứng và triển khai thi đua thực hiện hiệu quả, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

- Hệ thống Văn bản của Trung ương ban hành chậm, một số văn bản sau khi ban hành phải sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trong đó có nhiều nội dung⁵ yêu cầu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định do vậy tạo áp lực lớn cho các cơ quan tham mưu, tạo ra một số khó khăn cho địa phương, cơ sở trong tổ chức triển khai thực hiện.

⁵ Ủy ban nhân dân trình HĐND tỉnh quy định: Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương; Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn; Cơ chế huy động các nguồn lực khác; Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất...

- Công tác chỉ đạo, triển khai các dự án tại địa phương còn chậm; việc triển khai thực hiện một số chương trình, dự án, đặc biệt dự án hỗ trợ sản xuất, nhân rộng mô hình được triển khai ở các địa phương hiệu quả chưa cao, một số mô hình cây, con, giống chưa phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, chưa phát huy hết tính tự chủ, tham gia tích cực của các hộ dân.

- Hiện nay Trung ương chưa có quy định khái niệm: “*người lao động có thu nhập thấp*” do đó chưa thể xác định đối tượng để mở các lớp đào tạo nghề hoặc để xác định đối tượng hỗ trợ.

- Quy mô đối tượng tham gia các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình khá hạn chế, vì hiện nay, Hà Tĩnh có hơn 60% hộ nghèo không có khả năng lao động, hơn 30% hộ cận nghèo không có khả năng lao động.

- Một số địa phương chưa nghiêm túc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo, báo cáo chậm tiến độ; số liệu báo cáo chưa chính xác, chưa phản ánh hết việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

b. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

** Nguyên nhân khách quan*

- Dịch COVID-19 được kiểm soát, nền kinh tế đang phục hồi nhưng chịu áp lực lạm phát, tỷ giá lãi suất tăng cao; trong tình, sụt giảm về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực, diễn biến thất thường của thời tiết, khó khăn vướng mắc trong thực hiện một số dự án đầu tư... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Do cơ chế phân cấp, phân quyền trong triển khai các chủ trương, chính sách hoặc để linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, Trung ương phân cấp cho địa phương ban hành một số quy định, các cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện.

- Khi xây dựng, ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 Trung ương chưa quy định rõ người lao động có thu nhập thấp, chưa đánh giá kỹ tác động khi ban hành chính sách. Mặc dù, hiện nay Bộ Lao động - TBXH đã có Tờ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, quy định rõ các khái niệm nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa được thông qua.

- Hà Tĩnh thực hiện Đề án thí điểm tỉnh xây dựng nông thôn mới, bên cạnh đó các chính sách an sinh xã hội ngày càng được thực hiện tốt do đó người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, nhà ở, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin, hỗ trợ khám chữa bệnh...) do đó nhóm hộ nghèo của Hà Tĩnh cơ bản là những hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động (hơn 60% hộ nghèo không có khả năng lao động, hơn 30% hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

** Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa quyết liệt,

chưa thật sự sâu sát. Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân, nhất là một số hộ nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại để được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thiếu nỗ lực vươn lên.

- Một số địa phương còn gặp nhiều lúng túng trong công tác thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, khi triển khai; bên cạnh đó, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo chưa tích cực tham gia, đang có tâm lý trông chờ, ỷ lại.

c. Bài học kinh nghiệm

- Về quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo bền vững

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong công tác giảm nghèo bền vững, xem đây là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp đồng bộ của các tổ chức hội, đoàn thể để khơi dậy tiềm năng, phát huy thế mạnh, điều kiện của từng hộ nghèo cùng với sự trợ lực của toàn xã hội sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp giúp cho hộ nghèo có cơ hội phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vươn lên thoát nghèo. Tránh tình trạng dựa dẫm vào nguồn lực Nhà nước hoặc xoá bỏ mặc cảm tự ti, tự bản thân mỗi hộ nghèo phải nỗ lực, phấn đấu vươn lên.

- Về ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình: Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách giảm nghèo của tỉnh đã ban hành, đồng thời kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách giảm nghèo của quốc gia để phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định về chuẩn nghèo mới. Khẩn trương hoàn thành việc tích hợp các chính sách giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

- Về lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức, điều hành thực hiện, phối hợp thực hiện Chương trình: Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; xác định giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp về giảm nghèo trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của các cấp từ tỉnh đến cơ sở.

Tập trung chỉ đạo, triển khai có hiệu quả các chính sách của Trung ương, tỉnh về: Hỗ trợ thu nhập đối với thành viên hộ nghèo không có khả năng lao động; chính sách hỗ trợ học phí, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế; chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn; chính sách tín dụng xã hội, hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ về nhà ở, nước sạch; chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn khó khăn.

- *Về tổ chức triển khai thực hiện các dự án/tiểu dự án:* Triển khai thực hiện các dự án/tiểu dự án phải đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá đột xuất hoặc định kỳ hiệu quả trong quá trình thực hiện để tiếp tục đúc rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

- *Về kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý các vi phạm:* Cần tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, tổng kết đánh giá hàng năm, giai đoạn để kịp thời có các giải pháp hỗ trợ các địa phương khắc phục những tồn tại, khó khăn.

7. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Trung ương bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để hỗ trợ các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa không thuộc tỉnh nghèo, huyện nghèo, xã nghèo nhưng còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho các địa phương phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng giúp giảm nghèo bền vững.

- Đề nghị Chính phủ bổ sung đối tượng người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình thuộc phạm vi Tiểu dự án 1, Dự án 4, Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ thông tin báo cáo, giám sát, đánh giá quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

II. ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Căn cứ pháp lý đề xuất của từng dự án, tiểu dự án

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung, kinh phí thực hiện của từng dự án, tiểu dự án.

2.1 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tiếp tục hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường,

tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 55 tỷ đồng

2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.* Đây mạnh hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 25 tỷ đồng

b) *Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.*

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 6 tỷ đồng

2.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.*

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 20 tỷ đồng

b) *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.* Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ điều tra, thu thập thông tin thị trường lao động

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 13 tỷ đồng

2.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

b) *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin:* Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho người dân; nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 5 tỷ đồng

c) *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo.*

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội

về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 4 tỷ đồng

2.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình:

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực : Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng tái nghèo.

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 11 tỷ đồng

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá chương trình: Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

Đề xuất kinh phí thực hiện: Dự kiến 6 tỷ đồng

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2024, đề xuất Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TBXH (b/c);
- Văn phòng quốc gia về giảm nghèo (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các phòng: KHTC, LĐVL, GDNN-BĐG;
- Lưu: VT, BTXH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Lê Thuộc